



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 20 ngày 1 tháng 8 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Định	Chủ tịch
Ông Trần Vũ Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Trí	Thành viên
Ông Giang Trung Kiên	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Kiều Văn Chiến	Trưởng ban
Ông Doãn Duy Đạo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên (từ ngày 18/4/2025)
Bà Lê Thị Hải	Thành viên (đến ngày 17/4/2025)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Vân Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower
Số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: các Cổ đông
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00219-25-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29-08-2025**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.627.140.031.328	1.839.799.565.364
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	95.198.413.468	80.610.729.013
Tiền	111		95.198.413.468	80.610.729.013
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.841.865.345.081	1.087.414.695.892
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(2.044.654.919)	(2.095.304.108)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	1.841.300.000.000	1.086.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		594.890.717.707	535.969.872.410
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	465.549.157.169	411.747.423.223
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	5.025.556.082	3.875.903.361
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	124.316.004.456	120.346.545.826
Hàng tồn kho	140	13	83.161.922.000	127.907.202.893
Hàng tồn kho	141		84.427.545.941	128.589.695.182
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.265.623.941)	(682.492.289)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.023.633.072	7.897.065.156
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.619.739.060	1.487.312.033
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.753.804.259	6.409.753.123
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	650.089.753	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		486.152.082.654	963.603.151.170
Tài sản cố định	220		124.869.234.603	131.950.529.678
Tài sản cố định hữu hình	221	14	120.606.096.167	128.022.119.066
Nguyên giá	222		595.775.208.581	592.189.677.126
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(475.169.112.414)	(464.167.558.060)
Tài sản cố định vô hình	227	15	4.263.138.436	3.928.410.612
Nguyên giá	228		15.829.694.736	15.339.694.736
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.566.556.300)	(11.411.284.124)
Bất động sản đầu tư	230	16	23.992.681.156	24.349.108.450
Nguyên giá	231		30.567.763.382	30.567.763.382
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.575.082.226)	(6.218.654.932)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.655.479.321	28.025.455
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	3.655.479.321	28.025.455
Đầu tư tài chính dài hạn	250		198.487.708.826	698.887.708.826
Đầu tư vào công ty con	251	9(c)	198.487.708.826	198.487.708.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	-	500.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		135.146.978.748	108.387.778.761
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	135.146.978.748	108.342.010.761
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	45.768.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.113.292.113.982	2.803.402.716.534

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.297.386.520.582	1.939.204.891.627
Nợ ngắn hạn	310		2.267.780.462.466	1.923.409.599.873
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	647.534.858.628	713.293.475.346
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		937.138.351	432.702.550
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	7.370.183.411	8.258.103.431
Phải trả người lao động	314		20.439.339.117	17.572.279.370
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	5.022.017.301	4.397.118.869
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	70.184.955.577	2.721.747.669
Vay ngắn hạn	320	23	1.490.118.120.714	1.167.191.859.550
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	26.173.849.367	9.542.313.088
Nợ dài hạn	330		29.606.058.116	15.795.291.754
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	29.606.058.116	15.795.291.754
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		815.905.593.400	864.197.824.907
Vốn chủ sở hữu	410	25	815.905.593.400	864.197.824.907
Vốn cổ phần	411	26	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		150.360.203.236	150.360.203.236
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		62.168.710.164	110.460.941.671
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.350.508.444	4.130.911.685
- LNST kỳ này/ năm nay	421b		59.818.201.720	106.330.029.986
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.113.292.113.982	2.803.402.716.534

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.924.191.260.147	1.635.403.469.723
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	3.052.940.190	7.974.255.030
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.921.138.319.957	1.627.429.214.693
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	1.849.945.102.000	1.570.502.445.378
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		71.193.217.957	56.926.769.315
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	107.229.956.864	94.894.035.122
Chi phí tài chính	22	32	38.182.495.450	27.186.984.789
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.903.115.070</i>	<i>19.923.129.469</i>
Chi phí bán hàng	25	33	50.889.019.281	26.878.232.116
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	30.406.370.540	29.465.037.891
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		58.945.289.550	68.290.549.641
Thu nhập khác	31	35	3.756.152.540	-
Chi phí khác	32		141.607.432	15.706.753
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.614.545.108	(15.706.753)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.559.834.658	68.274.842.888
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	2.695.864.938	4.742.196.472
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	45.768.000	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		59.818.201.720	63.532.646.416

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	62.559.834.658	68.274.842.888
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	11.819.488.790	12.545.386.666
Các khoản dự phòng	03	532.482.463	32.797.814
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.051.089.638	31.814.487
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(97.398.935.425)	(88.010.111.078)
Chi phí lãi vay	06	27.903.115.070	19.923.129.469
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.467.075.194	12.797.860.246
Biến động các khoản phải thu	09	(54.452.994.549)	(32.949.483.789)
Biến động hàng tồn kho	10	42.395.149.241	14.119.834.918
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(54.052.329.504)	229.805.613.897
Biến động chi phí trả trước	12	(31.243.629.980)	(3.929.956.993)
		(90.886.729.598)	219.843.868.279
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.457.228.907)	(18.376.170.498)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.008.449.989)	(2.863.193.600)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.105.683.448)	(11.576.418.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(144.458.091.942)	187.028.086.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.817.733.928)	(2.248.619.208)
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(391.000.000.000)	(642.800.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	137.000.000.000	355.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	92.936.943.788	97.837.182.746
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(163.880.790.140)	(191.911.436.462)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.868.637.056.501	1.340.878.021.528
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.545.710.795.337)	(1.292.353.818.082)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	322.926.261.164	48.524.203.446
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	14.587.379.082	43.640.853.115
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	80.610.729.013	51.167.581.113
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	305.373	190.240
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	95.198.413.468	94.808.624.468

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Đinh Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2025: 6 công ty con) được mô tả tại Thuyết minh 9(c).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 353 nhân viên (1/1/2025: 316 nhân viên).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 35 năm
▪ máy móc, thiết bị	4 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Tổng Công ty không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 50 năm |
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 48 năm |

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vở bình gas

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vở bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vở bình gas nhận được. Theo đó, vở bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong 33 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ, chi phí san lấp và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

Chi phí san lấp được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 44 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có sự thay đổi đáng kể nào về cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	4.340.519.583	674.051.443
Tiền gửi ngân hàng	90.857.893.885	79.936.677.570
	95.198.413.468	80.610.729.013

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

		30/6/2025		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	565.345.081	(2.044.654.919)
		1/1/2025		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	514.695.892	(2.095.304.108)

Giá thị trường của khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		30/6/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		1.841.300.000.000	1.841.300.000.000
		1/1/2025	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		1.086.900.000.000	1.086.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		500.400.000.000	(*)

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/6/2025				1/1/2025				
		% sở hữu và % quyền biểu quyết		Địa chỉ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con:										
				Thành phố						
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%			70.000.000.000	-	(**)	70.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%			40.000.000.000	-	(**)	40.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%			30.000.000.000	-	(**)	30.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%			20.000.000.000	-	(**)	20.000.000.000	-	(**)
• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%			27.000.000.000	-	(**)	27.000.000.000	-	(**)
				Thành phố						
• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%			11.487.708.826	-	(**)	11.487.708.826	-	(**)
					198.487.708.826	-		198.487.708.826	-	

(**) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	101.451.361.599	101.968.784.873
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	73.337.913.501	50.911.526.113
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	80.602.379.992	80.623.538.712
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	44.607.751.989	46.081.581.675
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	63.643.559.151	33.783.495.553
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	28.772.478.070	36.601.478.951
Bên khác		
Các khách hàng khác	73.133.712.867	61.777.017.346
	465.549.157.169	411.747.423.223

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có tài sản đảm bảo, có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Ngoài ra, khoản phải thu thương mại từ các công ty con chịu lãi trả chậm theo thỏa thuận.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên khác		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bảo Thắng	1.257.218.280	-
Công ty Cổ phần Ô tô Xe máy Hồng Phát	1.032.048.862	2.111.009.038
Công ty TNHH In Nhật Hàn	934.500.240	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	1.801.788.700	1.764.894.323
	5.025.556.082	3.875.903.361

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi tiền gửi	79.242.762.465	38.900.970.689
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con (bên liên quan)		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	8.519.749.995	15.094.320.811
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	6.478.239.694	14.775.034.426
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	11.471.862.842	17.503.753.459
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	2.186.424.930	3.015.969.481
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	14.277.813.867	28.424.813.290
Phải thu người lao động	53.088.000	199.581.620
Phải thu ngắn hạn khác	2.086.062.663	2.432.102.050
	124.316.004.456	120.346.545.826

Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con sẽ được thu sau khi quyết toán lợi nhuận của các công ty con trong năm tiếp theo.

13. Hàng tồn kho

	30/6/2025 VND		1/1/2025 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	50.535.951.821	-
Nguyên vật liệu	9.805.698.050	-	11.435.278.655	-
Chi phí dở dang	340.000.000	-	-	-
Hàng hóa	74.281.847.891	(1.265.623.941)	66.618.464.706	(682.492.289)
	84.427.545.941	(1.265.623.941)	128.589.695.182	(682.492.289)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	211.835.910.637	320.211.699.083	48.560.453.134	11.581.614.272	592.189.677.126
Tăng trong kỳ	-	91.000.000	2.217.531.455	-	2.308.531.455
Chuyển từ hàng tồn kho	-	1.767.000.000	-	-	1.767.000.000
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	-	-	(490.000.000)	-	(490.000.000)
Số dư cuối kỳ	211.835.910.637	322.069.699.083	50.287.984.589	11.581.614.272	595.775.208.581
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	150.880.786.237	265.278.242.233	37.773.854.295	10.234.675.295	464.167.558.060
Khấu hao trong kỳ	3.441.153.530	5.448.576.105	1.769.114.520	342.710.199	11.001.554.354
Số dư cuối kỳ	154.321.939.767	270.726.818.338	39.542.968.815	10.577.385.494	475.169.112.414
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	60.955.124.400	54.933.456.850	10.786.598.839	1.346.938.977	128.022.119.066
Số dư cuối kỳ	57.513.970.870	51.342.880.745	10.745.015.774	1.004.228.778	120.606.096.167

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 291.370 triệu VND (1/1/2025: 274.350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	3.588.196.000	11.751.498.736	15.339.694.736
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	-	490.000.000	490.000.000
Số dư cuối kỳ	3.588.196.000	12.241.498.736	15.829.694.736
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	11.411.284.124	11.411.284.124
Khấu hao trong kỳ	-	155.272.176	155.272.176
Số dư cuối kỳ	-	11.566.556.300	11.566.556.300
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	3.588.196.000	340.214.612	3.928.410.612
Số dư cuối kỳ	3.588.196.000	674.942.436	4.263.138.436

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 10.821 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 10.821 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	13.945.452.940	16.622.310.442	30.567.763.382
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	5.298.358.977	920.295.955	6.218.654.932
Khấu hao trong kỳ	126.540.000	229.887.294	356.427.294
Số dư cuối kỳ	5.424.898.977	1.150.183.249	6.575.082.226
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	8.647.093.963	15.702.014.487	24.349.108.450
Số dư cuối kỳ	8.520.553.963	15.472.127.193	23.992.681.156

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao là 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	28.025.455	28.025.455
Tăng trong kỳ	3.627.453.866	16.850.143.478
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(16.605.143.478)
Số dư cuối kỳ	3.655.479.321	273.025.455

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	3.037.176.088	-
Các công trình khác	618.303.233	28.025.455
	3.655.479.321	28.025.455

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas	Chi phí đất	Chi phí	Tổng cộng
	VND	trả trước	trả trước khác	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	82.477.241.104	14.033.965.801	11.830.803.856	108.342.010.761
Tăng trong kỳ	46.868.838.265	-	948.000.000	47.816.838.265
Phân bổ trong kỳ	(8.850.811.259)	(306.234.966)	(272.004.035)	(9.429.050.260)
Xuất bán cho công ty con	(11.582.820.018)	-	-	(11.582.820.018)
Số dư cuối kỳ	108.912.448.092	13.727.730.835	12.506.799.821	135.146.978.748

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG – công ty con	10.732.406.700	9.835.346.568
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	489.851.342	1.443.161.946
Bên khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam		
– Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	311.587.233.630	422.476.279.156
Công ty TNHH EI Corporation	88.047.080.404	130.161.580.213
Itochu Petroleum Co., PTE. Ltd	187.934.492.177	106.008.310.364
Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina	34.798.538.450	32.540.604.687
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	2.659.649.697	2.257.431.644
Các nhà cung cấp khác	11.285.606.228	8.570.760.768
	647.534.858.628	713.293.475.346

Khoản phải trả công ty con và các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	168.260.596	633.469.096	-	801.729.692
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	5.837.650.929	65.153.637.410	(66.755.368.536)	4.235.919.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.271.699.643	2.695.864.938	(2.008.449.989)	1.959.114.592
Thuế xuất nhập khẩu	-	11.377.620.442	(11.377.620.442)	-
Thuế thu nhập cá nhân	954.492.263	3.120.017.671	(3.701.090.610)	373.419.324
Thuế khác	26.000.000	969.478.696	(1.645.568.449)	(650.089.753)
	8.258.103.431	83.950.088.253	(85.488.098.026)	6.720.093.658
Trong đó:				
Phải thu	-			(650.089.753)
Phải trả	8.258.103.431			7.370.183.411

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ là số sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào.

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	4.528.133.125	3.082.246.962
Trích trước chi phí hoạt động	493.884.176	1.314.871.907
	5.022.017.301	4.397.118.869

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Cổ tức phải trả công ty mẹ	34.764.728.900	-
Bên khác		
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	1.264.461.514	1.526.832.397
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	31.932.727.500	324.242.900
Phải trả ngắn hạn khác	2.223.037.663	870.672.372
	70.184.955.577	2.721.747.669

Khoản phải trả ngắn hạn khác với bên liên quan không có bảo đảm, không tính lãi và đã được thanh toán vào tháng 7 năm 2025.

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.167.191.859.550	1.868.637.056.501	(1.545.710.795.337)	1.490.118.120.714

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	515.076.711.559	81.062.004.756
Ngân hàng BNP Paribas	VND	488.917.183.928	173.608.885.623
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	VND	202.270.313.868	146.925.856.019
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	161.782.561.343	520.131.070.567
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	63.177.763.885	12.318.447.757
Ngân hàng Bank of China	VND	58.893.586.131	204.448.115.899
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	-	28.697.478.929
		1.490.118.120.714	1.167.191.859.550

Các khoản vay ngân hàng là không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	9.542.313.088	1.410.690.616
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 25)	41.737.219.727	22.606.798.939
Sử dụng trong kỳ	(5.482.737.957)	(4.691.136.467)
Điều chuyển quỹ xuống các công ty con	(19.622.945.491)	(9.784.040.000)
Số dư cuối kỳ	26.173.849.367	9.542.313.088

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

27. Cổ tức

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2025 về việc chia cổ tức năm 2024, tại cuộc họp ngày 18 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2024 bằng tiền là 66.373 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 72.407 triệu VND).

28. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	543,50	14.098.391	552,43	14.050.920
Euro ("EUR")	98,77	2.975.743	103,19	2.717.841
		<u>17.074.134</u>		<u>16.768.761</u>

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	1.917.303.179.662	1.628.885.652.541
▪ Cung cấp dịch vụ	4.132.774.645	4.600.136.662
▪ Cho thuê bất động sản	2.755.305.840	1.917.680.520
	1.924.191.260.147	1.635.403.469.723
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.526.870.040)	(5.187.425.880)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.526.070.150)	(2.786.829.150)
	(3.052.940.190)	(7.974.255.030)
Doanh thu thuần	1.921.138.319.957	1.627.429.214.693

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	1.843.013.840.294	1.563.590.508.645
▪ Cung cấp dịch vụ	5.298.189.287	6.061.242.342
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.049.940.767	850.694.391
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	583.131.652	-
	1.849.945.102.000	1.570.502.445.378

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	47.234.143.012	42.584.574.098
Lợi nhuận được chia	50.164.792.413	45.425.536.980
Lãi bán hàng trả chậm	4.933.424.189	6.298.699.070
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.897.597.250	585.224.974
	107.229.956.864	94.894.035.122

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.903.115.070	19.923.129.469
Lãi trả chậm	172.152.207	441.870.821
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(50.649.189)	32.797.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.106.787.724	6.757.372.198
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.051.089.638	31.814.487
	38.182.495.450	27.186.984.789

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.210.866.525	5.271.446.902
Chi phí khấu hao	49.081.338	74.279.258
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	8.850.811.259	8.524.349.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.834.262.512	4.844.749.576
Chi phí bán hàng khác	7.943.997.647	8.163.406.969
	50.889.019.281	26.878.232.116

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên	14.552.005.167	13.101.783.275
Chi phí khấu hao	1.267.476.915	1.331.441.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.609.243.251	8.540.997.588
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.977.645.207	6.490.815.966
	30.406.370.540	29.465.037.891

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chênh lệch thừa kiểm kê hàng tồn kho	3.753.425.634	-
Khác	2.726.906	-
	3.756.152.540	-

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.072.144.380	7.391.297.115
Chi phí nhân viên	59.891.265.700	44.745.070.286
Chi phí khấu hao	11.819.488.790	12.545.386.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.350.132.880	36.395.366.668
Chi phí khác	27.186.358.411	31.170.536.062

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.658.752.638	4.727.756.472
Dự phòng thiếu trong những năm trước	37.112.300	14.440.000
	2.695.864.938	4.742.196.472
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	45.768.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.741.632.938	4.742.196.472

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	62.559.834.658	68.274.842.888
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	12.511.966.932	13.654.968.578
Chi phí không được khấu trừ thuế	225.512.189	157.895.290
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(10.032.958.483)	(9.085.107.396)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	37.112.300	14.440.000
	2.741.632.938	4.742.196.472

(*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Chia cổ tức	34.764.728.900	37.925.158.800
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i>		
Bán hàng hóa	236.969.703.664	191.525.266.464
Lợi nhuận được chia	6.478.239.694	6.221.975.290
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa	417.027.753.842	364.216.925.275
Lợi nhuận được chia	14.277.813.867	13.732.005.158
Nhận bàn giao tài sản	-	14.536.550.647
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa	284.519.040.537	236.179.058.517
Lợi nhuận được chia	11.471.862.842	11.151.599.849
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</i>		
Bán hàng hóa	123.997.309.193	108.356.193.155
Lợi nhuận được chia	2.186.424.930	1.396.683.036
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</i>		
Bán hàng hóa	382.401.451.414	355.810.773.013
Lợi nhuận được chia	8.519.749.995	7.392.251.827
<i>Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G</i>		
Mua hàng hóa	52.527.765.000	24.839.486.120
Lợi nhuận được chia	7.230.701.085	5.531.021.820
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	26.412.862.130	23.072.146.780
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	24.813.071.280	22.801.065.160

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc

Bán hàng hóa	-	13.534.544.710
--------------	---	----------------

Công ty Xăng dầu Bắc Thái

Bán hàng hóa	12.498.044.760	12.478.348.010
--------------	----------------	----------------

Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu Khu vực I

Bán hàng hóa	10.555.497.990	8.739.180.800
--------------	----------------	---------------

Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình

Bán hàng hóa	12.935.407.080	13.255.519.440
--------------	----------------	----------------

Công ty Xăng dầu Tuyên Quang

Bán hàng hóa	11.465.140.800	11.465.413.080
--------------	----------------	----------------

Công ty TNHH MTV Xăng dầu Lào Cai

Bán hàng hóa	17.990.849.070	16.830.980.330
--------------	----------------	----------------

Công ty Xăng dầu Điện Biên

Bán hàng hóa	11.303.177.500	12.047.136.430
--------------	----------------	----------------

Công ty Xăng dầu Cao Bằng

Bán hàng hóa	9.293.649.720	7.932.537.360
--------------	---------------	---------------

Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Bán hàng hóa	21.892.630.284	29.350.712.698
--------------	----------------	----------------

Hội đồng Quản trị

Lương thưởng và thù lao

Ông Nguyễn Quang Định – Chủ tịch	459.000.000	336.049.970
----------------------------------	-------------	-------------

Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch	-	66.012.857
----------------------------------	---	------------

Ông Trần Vũ Nam – Thành viên	70.400.000	43.937.100
------------------------------	------------	------------

Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc – Thành viên (*)	508.150.000	250.338.979
---	-------------	-------------

Ông Nguyễn Khắc Trí – Tổng Giám đốc – Thành viên (*)	444.400.000	245.297.333
--	-------------	-------------

Ông Giang Trung Kiên – Thành viên	70.400.000	43.937.100
-----------------------------------	------------	------------

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác

Lương thưởng và thù lao

Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	374.000.000	241.787.031
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	374.000.000	245.593.824
Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc	70.400.000	43.937.100
Ông Bùi Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc	374.000.000	225.131.596
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	293.250.000	186.098.053

Ban Kiểm soát

Lương và thù lao

Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	374.000.000	221.391.266
Bà Nguyễn Thị Yến – Thành viên <i>(từ ngày 18/4/2025)</i>	66.640.000	-
Bà Lê Thị Hải – Thành viên <i>(đến ngày 17/4/2025) (**)</i>	-	174.240.599
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	44.800.000	30.723.608

(*) Các ông Nguyễn Hữu Quang và ông Nguyễn Khắc Trí là thành viên kiêm nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và chỉ nhận lương cho vai trò thành viên Ban Tổng Giám đốc.

(**) Bà Lê Thị Hải không nhận thù lao trong năm 2025.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang
Tổng Giám đốc